

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 – 31



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103013346 ngày 31 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung 10 lần Đăng ký kinh doanh thay đổi.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10: 264.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 043.577 1983
Fax : 043.577 1985

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là :

- Dịch vụ tư vấn trong và ngoài nước (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính);
- Tư vấn, môi giới, kinh doanh Bất động sản (Không bao gồm tư vấn về giá đất);
- Tư vấn về quản lý kinh doanh, chiến lược kinh doanh;
- Nghiên cứu, phân tích thị trường;
- Tư vấn mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp, cổ phần hóa (Không bao gồm tư vấn luật, tài chính)
- Tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình, tư vấn pháp luật, tài chính);
- Dịch vụ môi giới xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, triển lãm;
- Dịch vụ quan hệ công chúng;
- Quảng cáo thương mại và phi thương mại;
- Dịch vụ đánh giá hiệu quả kinh tế dự án;
- Dịch vụ cầm đồ;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bảo hiểm;
- Xây dựng dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch; kinh doanh khách sạn; kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, vé xe Bus, tour du lịch;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Sản xuất mua bán, khai thác, chế biến và vận tải các loại khoáng sản (trừ những loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Bốc xúc đất đá và khai thác mỏ (theo quy định của pháp luật hiện hành);
- Xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông, cảng hàng không.

JACI
ÁCH
LIM1

T
VG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 31).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Chủ tịch	31 tháng 7 năm 2006	
Ông Nguyễn Duy Khanh	Thành viên	31 tháng 7 năm 2006	
Bà Huỳnh Thị Mai Dung	Thành viên	31 tháng 7 năm 2006	
Ông Đặng Anh Tuấn	Thành viên	28 tháng 5 năm 2010	
Ông Trần Việt Hùng	Thành viên	19 tháng 6 năm 2011	02 tháng 6 năm 2013
Ông Trần Vũ Phương	Thành viên	02 tháng 6 năm 2013	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	
Lã Thị Quy	Trưởng ban	18 tháng 6 năm 2010	
Phạm Hoài Phương	Thành viên	18 tháng 6 năm 2010	
Nguyễn Hoài Giang	Thành viên	18 tháng 6 năm 2010	01 tháng 4 năm 2013

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Duy Khanh	15 tháng 6 năm 2007

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Khanh

Ngày 14 tháng 8 năm 2013



Số: 325/2013/BCTC-KTTV-KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2013, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc đến vấn đề sau: Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty căn cứ vào báo giá của ba (3) Công ty chứng khoán khác để làm căn cứ đánh giá mức độ giảm giá cho các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC). Do đó, Công ty đã không trích lập dự phòng giảm giá của các cổ phiếu này do các cổ phiếu này chưa bị giảm giá theo căn cứ nêu trên.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Ngọc Tuyền

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1629-2013-008-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

A - TÀI SẢN NGÂN HÀN					
	Mã	Tên	Số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100		146.103.615.649	118.425.446.422		
II.	120	Các khoản đầu tư tài chính ngân hàng	17.294.574.800	17.368.428.100	
1.	121	Đầu tư ngân hàng	20.110.622.000	20.110.622.000	
2.	129	Dự phòng giam giá đầu tư ngân hàng	(2.816.047.200)	(2.742.193.900)	
III.	130	Các khoản phải thu ngân hàng	57.305.936.241	47.804.756.836	
1.	131	Phải thu kinh doanh	213.477.095	213.477.095	
2.	132	Trả trước cho người bán	13.553.527.865	7.540.024.137	
3.	133	Phải thu nfix bù nợ ngân hàng	-	-	
4.	134	Phải thu theo tiền đợt hạch hợp đồng xây dựng	-	-	
5.	135	Các khoản phải thu khác	43.717.908.376	40.230.232.699	
6.	139	Dự phòng phải thu ngân hàng khi doi	(178.977.095)	(178.977.095)	
IV.	140	Hàng tồn kho	630.834.885	493.607.300	
1.	141	Hàng tồn kho	630.834.885	493.607.300	
2.	149	Dự phòng giam giá hàng tồn kho	-	-	
V.	150	Tài sản ngắn hạn khác	16.832.309.278	15.788.757.782	
1.	151	Chi phí trả trước ngân hàng	185.462.389	44.235.927	
2.	152	Thue già tri gia tang duoc khau tru	2.997.494.389	3.040.864.755	
3.	154	Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-	
4.	157	Giao dịch mua bán lãi trái phiếu Chính phủ	-	-	
5.	158	Tài sản ngắn hạn khác	13.649.352.500	12.703.657.100	

Đơn vị tính: VND

Tài giao 30 tháng 06 năm 2013

ĐỒ TƯNG GIÁO KHOANG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		278.449.778.882	280.320.665.644
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		194.642.706.076	194.057.815.471
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	849.870.131	968.381.050
<i>Nguyên giá</i>	222		1.537.360.605	1.651.035.833
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(687.490.474)	(682.654.783)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		52.888.000	64.888.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(52.888.000)	(64.888.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	193.792.835.945	193.089.434.421
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		83.807.072.806	86.262.850.173
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	35.603.216.806	44.323.510.173
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	5.093.096.000	575.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	45.931.900.000	45.931.900.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(2.821.140.000)	(4.567.560.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		424.553.394.531	398.746.112.066

Hồ sơ
TR
KIẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		187.514.011.516	167.011.225.542
I. Nợ ngắn hạn	310		176.554.096.127	157.069.751.541
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.18	52.012.160.675	52.114.197.566
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	117.040.849	526.808.642
5. Phải trả người lao động	315		54.947.725	163.479.130
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	124.202.343.678	104.087.763.003
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	167.603.200	177.503.200
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.959.915.389	9.941.474.001
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.22	10.959.915.389	9.941.474.001
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		237.039.383.015	231.734.886.524
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	237.039.383.015	231.734.886.524
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		264.000.000.000	264.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		48.496.600.000	48.496.600.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.268.874.614	1.268.874.614
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		24.751.612	24.751.612
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(76.750.843.211)	(82.055.339.702)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		424.553.394.531	398.746.112.066

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Giang

Lập ngày 14 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Khanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

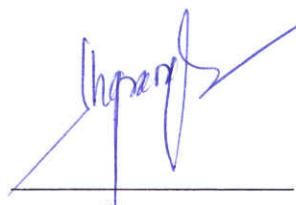
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	5.720.663.006	5.189.401.381
7. Chi phí tài chính	22	VI.2	(1.672.566.700)	(494.830.200)
Trong đó: chi phí lãi vay	23			2.500.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	2.102.797.205	2.778.498.745
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.290.432.501	2.905.732.836
11. Thu nhập khác	31	VI.4	14.063.990	478.187.528
12. Chi phí khác	32		-	3.000.001
13. Lợi nhuận khác	40		14.063.990	475.187.527
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.304.496.491	3.380.920.363
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.304.496.491	3.380.920.363
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	-	-

Kế toán trưởng


Nguyễn Hoài Giang

Lập ngày 14 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Khanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	5.304.496.491	3.380.920.363
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02 V.11	91.582.348	93.878.305
- Các khoản dự phòng	03 VI.2	(1.672.566.700)	(497.330.200)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05 VI.1	(5.715.645.089)	(2.558.038.066)
- Chi phí lãi vay	06	-	2.500.000
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>			
<i>trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(1.992.132.950)	421.930.402
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.376.647.895)	(338.107.840)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(137.227.585)	(143.612.873)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	21.012.685.974	2.619.596.264
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(114.297.891)	86.400.838
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(2.500.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	72.466.200
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16 V.21	(9.900.000)	(285.747.223)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	8.382.479.653	2.430.425.768

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.230.258.068)	(6.309.764.529)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	7.499.999.991
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(87.780.000)	(1.966.672.102)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	4.289.977.367	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.715.645.089	2.558.038.066
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	8.687.584.388	1.781.601.426

DO
NH
TÝ
HỮU
TƯ
C
NÔ
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>-</u>	<u>-</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		17.070.064.041	4.212.027.194
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	36.969.896.404	18.128.715.610
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	54.039.960.445	22.340.742.804

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Giang

Lập ngày 14 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Khanh

CHÍNH
HÃNG
VĂN
HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Tư vấn, đầu tư
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Đầu tư, kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 24 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 38 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Máy móc và thiết bị	4
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

8. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

9. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

12. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

13. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty là các khoản nợ phải trả tài chính khác.

15-0
NHÂN
NG T
IỀM H
N VÀ
& C
HÀ N
A - T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

14. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	64.739.526	272.130.635
Tiền gửi ngân hàng	4.729.429.809	371.825.642
Các khoản tương đương tiền	49.245.791.110	36.325.940.127
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	49.245.791.110	36.325.940.127
Cộng	54.039.960.445	36.969.896.404

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</i>		11.095.122.000		11.095.122.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	93.350	2.987.200.000	93.350	2.987.200.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	155	1.030.000	103	1.030.000
Công ty Cổ phần Hà Nội Milk	80	1.472.000	80	1.472.000
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng(*)	20.869	323.900.000	18.972	323.900.000
Công ty Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hải Phòng	100.000	1.130.000.000	100.000	1.130.000.000
Công ty Cổ phần Thép Định Vũ	94.500	4.533.025.000	94.500	4.533.025.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu FOODINCO	17.199	701.190.000	17.199	701.190.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	41.325	413.250.000	41.325	413.250.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	101	4.105.000	101	4.105.000
Công ty Cổ phần Len Hà Đông	28.455	999.950.000	28.455	999.950.000
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>		9.015.500.000		9.015.500.000
Tiền ủy thác đầu tư		9.015.500.000		9.015.500.000
Cộng		20.110.622.000		20.110.622.000

(*) Cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng tăng do được phân chia, thực hiện quyền hợp đồng.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(2.742.193.900)	862.482.000
Trích lập dự phòng bổ sung	(73.853.300)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(862.482.000)
Số cuối kỳ	(2.816.047.200)	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	110.000.000	110.000.000
Đối tượng khác	103.477.095	103.477.095
Cộng	213.477.095	213.477.095

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban bồi thường GPMB Thành phố Thái Nguyên	8.310.186.208	1.573.793.008
Công ty Cổ phần Kiến trúc Quốc tế	900.000.000	900.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý dự án Sena	-	686.000.000
Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	510.000.000	510.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Thái Nguyên	415.000.000	415.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Thừa Thiên Huế	398.880.000	398.880.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây Dựng Thành Nam	390.000.000	390.000.000
Tổng công ty nước và môi trường Việt Nam	326.999.650	326.999.650
Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh	240.843.000	240.843.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tiến Dũng	188.380.600	188.380.600
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng AST	153.000.000	153.000.000
Công ty Cổ phần Văn Phú - Invest	149.875.511	149.875.511
Các đối tượng khác	1.570.362.896	1.607.252.368
Cộng	13.553.527.865	7.540.024.137

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự thu lãi tiền gửi tiết kiệm	-	138.482.744
Phải thu các cá nhân ứng tiền phục vụ dự án, đầu tư	38.765.911.120	38.765.911.120
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	678.500.000	678.500.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương	386.000.000	386.000.000
Các khoản phải thu khác	3.887.497.256	261.338.835
Cộng	43.717.908.376	40.230.232.699

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	(80.500.000)	(80.500.000)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên</i>	(98.477.095)	(98.477.095)
Cộng	(178.977.095)	(178.977.095)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(178.977.095)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(178.977.095)	-

8. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	158.533.818	44.235.927
Công cụ, dụng cụ	26.928.571	-
Cộng	185.462.389	44.235.927

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	12.539.352.500	11.593.657.100
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.110.000.000	1.110.000.000
Cộng	13.649.352.500	12.703.657.100

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	12.000.000	1.537.360.605	101.675.228	1.651.035.833
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ do không đủ tiêu chuẩn là TSCĐ	(12.000.000)	-	(101.675.228)	(113.675.228)
Số cuối kỳ	-	1.537.360.605	-	1.537.360.605

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	6.638.095	610.622.445	65.394.243	682.654.783
Tăng trong kỳ	1.500.000	76.868.029	13.214.319	91.582.348
Khấu hao trong kỳ	1.500.000	76.868.029	13.214.319	91.582.348
Giảm trong kỳ do không đủ tiêu chuẩn là TSCĐ	(8.138.095)	-	(78.608.562)	(86.746.657)
Số cuối kỳ	-	687.490.474	-	687.490.474

Giá trị còn lại

Số đầu năm	5.361.905	926.738.160	36.280.985	968.381.050
Số cuối kỳ	-	849.870.131	-	849.870.131

T K
D B

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	64.888.000	64.888.000	-
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ do không đủ điều kiện là TSCĐ	(12.000.000)	(12.000.000)	-
Số cuối kỳ	52.888.000	52.888.000	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối kỳ
XDCB dở dang	193.089.434.421	1.230.258.068	-	(526.856.544)	193.792.835.945
<i>Khu công nghiệp Da Hội</i>	131.855.721.769	67.987.063	-	-	131.923.708.832
<i>Trung tâm thương mại Thái Nguyên</i>	37.602.121.398	90.218.182	-	(500.000.000)	37.192.339.580
<i>Chung cư cao cấp Văn Phú</i>	13.101.899.431	-	-	-	13.101.899.431
<i>Dự án Quản lý Chợ Tam Đảo</i>	5.346.271.091	-	-	-	5.346.271.091
<i>Khu Công nghiệp Điềm Thụy</i>	1.386.582.506	890.909.091	-	-	2.277.491.597
<i>Trung tâm thương mại Bắc Ninh</i>	1.112.648.471	-	-	(18.220.181)	1.094.428.290
<i>Dự án khu đô thị Số 5 phường Túc Duyên</i>	233.532.455	151.000.000	-	-	384.532.455
<i>Dự án Quy Nhơn Bình Định</i>	277.895.148	14.569.982	-	(5.454.545)	287.010.585
<i>Thành Phố Công nghệ cao Hà Nam</i>	1.116.806.976	12.000.000	-	-	1.128.806.976
<i>Các dự án khác</i>	1.055.955.176	3.573.750	-	(3.181.818)	1.056.347.108
Cộng	193.089.434.421	1.230.258.068	-	(526.856.544)	193.792.835.945

(*) Số điều chỉnh giảm khác là số điều chỉnh chi phí xây dựng cơ bản dở dang do đây là khoản ứng trước người bán.

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh ^(a)	5.634.610.632	5.851.012.220
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên ^(b)	26.693.462.174	28.558.733.953
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Hué [©]	3.274.144.000	3.186.364.000
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam ^(d)	1.000.000	1.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương ^(e)	-	6.726.400.000
Cộng	35.603.216.806	44.323.510.173

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ

21

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (a) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 21.1.2.1.000 227 ngày 27 tháng 8 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh 31.723.892.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã thu hồi số tiền 216.401.588 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 5.634.610.632 VND, tương đương 17,76% vốn điều lệ (số đầu năm là 5.851.012.220 VND, tương đương 18,44% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh là 26.089.281.368 VND.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 172031000 013 ngày 04 tháng 6 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Thái Nguyên 84.000.000.000 VND, tương đương 84% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã thu hồi số tiền 1.865.271.779 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 26.693.462.174 VND, tương đương 100% vốn thực góp (số đầu năm là 28.558.733.953 VND, tương đương 100% vốn thực góp). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Thái Nguyên là 57.306.537.826 VND.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3301232560 thay đổi lần thứ 1, ngày 26 tháng 4 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thừa Thiên – Huế cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Apec Land Huế 55.000.000.000 VND, tương đương 55% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đầu tư thêm 87.780.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 3.274.144.000 VND, tương đương 100% vốn thực góp (số đầu năm là 3.186.364.000 VND, tương đương 100% vốn thực góp). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Apec Land Huế là 51.725.856.000 VND.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700609397 ngày 30 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Hà Nam 99.000.000.000 VND, tương đương 99% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 1.000.000 VND, tương đương 100% vốn thực góp. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Hà Nam là 98.999.000.000 VND.
- (e) Xem thuyết minh số V.15

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương (a)	451.810	4.518.096.000	-	-
Trường Đại học Tư thực Đông Nam Á (b)	57.500	575.000.000	57.500	575.000.000
Cộng		5.093.096.000		575.000.000

(a) Trong kỳ, Công ty đã bán 3.000 cổ phiếu với giá bán là 15.000 VND. Theo đó, tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty phân loại sang khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh.

(b) Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương góp vốn vào Trường Đại học tư thực Đông Nam Á với tỷ lệ phần sở hữu là 23%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		45.931.900.000		45.931.900.000
Công ty Cổ phần Nam Dược	223.900	5.597.500.000	223.900	5.597.500.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Nội	602.970	40.334.400.000	602.970	40.334.400.000
Cộng		45.931.900.000		45.931.900.000

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(4.567.560.000)	(5.037.750.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	1.746.420.000	179.120.000
Số cuối kỳ	(2.821.140.000)	(4.858.630.000)

18. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban Giải phóng mặt bằng thị xã Từ Sơn	51.941.525.595	51.941.525.595
Các đối tượng khác	70.635.080	172.671.971
Cộng	52.012.160.675	52.114.197.566

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	165.319.662	-	-	(165.319.662)	-
Thuế thu nhập cá nhân	361.488.980	111.262.001	(355.710.132)	-	117.040.849
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	526.808.642	114.262.001	(358.710.132)	(165.319.662)	117.040.849

(*) là số bù trừ với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

5.00%
HÀNH
G TY
M HỮU
VÀ TƯ
L C
À NỘ
- TP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.304.496.491	3.380.920.363
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	(911.597.500)
- Các khoản điều chỉnh tăng		911.597.500
- Các khoản điều chỉnh giảm (cô tức)		
Thu nhập chịu thuế	5.304.496.491	2.469.322.863
Lỗ các năm trước được chuyển	(5.304.496.491)	(61.385.933.970)
Thu nhập tính thuế	-	(58.916.611.107)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận tiền góp vốn vào KCN Đa Hội - Bắc Ninh và Trung tâm Thương mại Thái Nguyên	75.627.109.180	75.627.109.180
Nhận tiền đặt cọc từ Công ty Cổ phần Bất động sản An Phát Land	36.510.421.500	18.867.691.500
Nhận tiền đặt cọc bán căn hộ chung cư Khu đô thị Văn Phú	8.902.035.993	9.476.539.983
Nhận tiền đặt cọc bán căn hộ chung cư Túc Duyên	2.316.125.000	-
Bảo hiểm xã hội, y tế	75.883.223	31.645.477
Các khoản phải trả khác	770.768.782	84.776.863
Cộng	124.202.343.678	104.087.763.003

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	177.503.200
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-
Chi quỹ	(9.900.000)
Số cuối kỳ	167.603.200

22. Doanh thu chưa thực hiện

Tiền nhận trước của các hợp đồng bán căn hộ chung cư tại Khu đô thị Văn Phú.

CTY
HAN
VAN
HAI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công
Số đầu năm trước	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(61.385.933.970)	252.404.292.256
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(20.669.405.732)	(20.669.405.732)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(82.055.339.702)	231.734.886.524
Số dư đầu năm nay	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(82.055.339.702)	231.734.886.524
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.304.496.491	5.304.496.491
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(76.750.843.211)	237.039.383.015

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng
ký doanh nghiệp

VND	Tỷ lệ (%)	Vốn điều lệ đã góp (VND)
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	39.799.220.000	15,08% 39.799.220.000
Ông Nguyễn Duy Khanh	5.000.000.000	1,89% 5.000.000.000
Các cổ đông khác	219.200.780.000	83,03% 219.200.780.000
Công	264.000.000.000	100% 264.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.400.000	26.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26.400.000	26.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.400.000	26.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.400.000	26.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.400.000	26.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.810.947.650	1.646.440.566
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.017.917	10.710.155
Lãi đầu tư chứng khoán	3.904.697.439	2.620.653.160
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	911.597.500
Cộng	5.720.663.006	5.189.401.381

2. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	2.500.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(1.672.566.700)	(497.330.200)
Cộng	(1.672.566.700)	(494.830.200)

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.340.874.154	1.827.053.602
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	34.028.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.582.348	44.930.889
Thuế, phí và lệ phí	3.151.302	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.551.666	639.545.498
Chi phí băng tiền khác	536.637.735	229.940.120
Cộng	2.102.797.205	2.778.498.745

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ cho thuê lại văn phòng	-	105.029.743
Thu tiền điện của đơn vị thuê văn phòng	-	32.473.411
Thu tiền nước của đơn vị thuê văn phòng	-	744.000
Thu nhập khác	14.063.990	339.940.374
Cộng	14.063.990	478.187.528

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	34.028.636
Chi phí nhân công	1.467.561.739	1.940.678.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.582.348	44.930.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.091.666	650.896.609
Chi phí khác	539.789.037	236.328.120
Cộng	2.240.024.790	2.906.862.958

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập	671.400.000	693.624.986

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương	Công ty có cùng chủ tịch Hội đồng quản trị

Trong kỳ Công ty phát sinh nghiệp vụ với Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương (APS) như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thuê văn phòng, điện nước phải trả trong kỳ APS trả lại tiền đặt cọc và tiền thuê nhà tháng 9	447.647.827	565.908.946
Bù trừ công nợ với khoản cho APS vay	-	47.653.526
		565.902.058



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	Năm nay	Năm trước
Thanh toán thuê văn phòng, điện nước	(457.131.379)	26.640.570
Điều chỉnh giảm tiền thuê nhà theo phụ lục hợp đồng mới	-	112.820.275
Vay ngắn hạn	-	6.000.000.000
Trả vay ngắn hạn	-	6.000.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền điều chỉnh giảm tiền thuê nhà tháng 6 (TK331 dư Nợ)	9.483.552	35.352.337
Ủy thác đầu tư	150.000.000	150.000.000
Khoản phải thu khác về lãi cho vay hợp đồng 001/2009	678.500.000	678.500.000
Công nợ phải thu	837.983.552	863.852.337

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Các khoản phải thu khách khó có khả năng thu hồi được trích lập dự phòng đầy đủ.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	52.012.160.675	-	-	52.012.160.675
Các khoản phải trả khác	124.126.460.455	-	-	124.126.460.455
Cộng	176.138.621.130	-	-	176.138.621.130
Số đầu năm				
Phải trả người bán	52.114.197.566	-	-	52.114.197.566
Các khoản phải trả khác	104.056.117.526	-	-	104.056.117.526
Cộng	156.170.315.092	-	-	156.170.315.092

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ tăng/giảm 3.769.487.610 VND (năm trước tăng/giảm 245.537.595VND).

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

315-06
NHÂN
NG TY
ĐIỂM HỦ
AN VÀ T
& C
HÀ N
A - T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.039.960.445	-	36.969.896.404	-	54.039.960.445	36.969.896.404
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	17.294.574.800	-	17.368.428.100	-	-	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	45.931.900.000	(5.637.187.200)	66.042.522.000	(7.309.753.900)	43.115.852.800	63.300.328.100
Phải thu khách hàng	213.477.095	(178.977.095)	213.477.095	(178.977.095)	34.500.000	34.500.000
Các khoản cho vay	-	-	66.042.522.000	(7.309.753.900)	-	17.368.428.100
Các khoản phải thu khác	44.827.908.376	-	52.933.889.799	(178.977.095)	44.827.908.376	52.754.912.704
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	66.042.522.000	(7.309.753.900)	-	-
Cộng	162.307.820.716	(5.816.164.295)	305.613.257.398	(22.287.215.890)	142.018.221.621	170.428.065.308

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	52.012.160.675	52.114.197.566	52.012.160.675	52.114.197.566		
Các khoản phải trả khác	124.126.460.455	104.056.117.526	124.126.460.455	104.056.117.526		
Cộng	176.138.621.130	156.170.315.092	176.138.621.130	156.170.315.092		

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Những thông tin khác

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ được lấy theo Bảng cân đối kế toán năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Giang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Khanh